

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ		
1.1 Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Hàng hóa nhà thầu cung cấp có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật thuộc E-HSMT.- Có Catalog hoặc hình ảnh hoặc tương đương thể hiện thông số kỹ thuật chi tiết của từng hàng hóa nhà thầu đề xuất hoàn toàn phù hợp hoặc đáp ứng cao hơn tại Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật thuộc E-HSMT.- Có bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu phạm vi cung cấp với đầy đủ thông số kỹ thuật, thời gian bảo hành hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.	Đạt

	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
1.2 Chung loại cung cấp	Chung loại cung cấp đúng theo yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Chung loại cung cấp không đúng theo yêu cầu của E-HSMT	Không đạt
2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
2.1. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	- Nhà thầu có thuyết minh chi tiết về giải pháp cung ứng, vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa phù hợp và khả thi. Trong đó: Nêu rõ lộ trình dự kiến của từng hàng hóa khi cung cấp cho gói thầu này. - Nhà thầu chứng minh có khả năng giao hàng 24/24.	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
2.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng hàng hóa	- Nhà thầu có thuyết minh về biện pháp bảo đảm chất lượng hàng hóa. Có quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể cho từng loại mặt hàng trước, trong và sau khi vận chuyển, lắp đặt. - Có kế hoạch tổ chức, kiểm tra, thử nghiệm, chạy thử, đo đạc các thông số kỹ thuật của hàng hóa cụ thể và phù hợp theo yêu cầu của E-HSMT và các quy định hiện hành. - Có kế hoạch nghiệm thu công việc, nghiệm thu hoàn thành của gói thầu cụ thể, hợp lý và phù hợp với tiến độ nhà thầu đề xuất.	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt

2.3 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế	Nhà thầu có thuyết minh hợp lý, phù hợp về tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp hàng hóa do nhà thầu đề xuất.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh hợp lý, phù hợp về tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp cung cấp hàng hóa do nhà thầu đề xuất hoặc có nhưng không rõ ràng, phù hợp, không hợp lý.	Không đạt
2.4 Năng lực cung cấp hàng hóa chính hãng sản xuất	Nhà thầu phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, lộ trình của hàng hóa từ nhà sản xuất dự kiến cung cấp cho gói thầu (nguồn gốc xuất xứ của từng loại hàng hóa dự kiến cung cấp cho gói thầu phải được nhà thầu thể hiện rõ ràng trong E-HSDT của nhà thầu).	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
3. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì		
3.1 Kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì	Nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì cho từng loại hàng hóa do nhà thầu đề xuất cung cấp cho gói thầu.	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
3.2 Năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (bảo hành, bảo trì) đối với các thiết bị điện tử	Nhà thầu có tài liệu chứng minh năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng: cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế; bảo hành, bảo trì (chứng minh nhà thầu có một đại lý hoặc đại diện) có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà	Đạt

	thầu, có tài liệu chứng minh nhà thầu có nhân sự thực hiện dịch vụ bảo hành, bảo trì.	
	Nhà thầu không có tài liệu chứng minh hoặc không có năng lực hoặc có nhưng không đầy đủ.	Không đạt
3.3 Thời gian bảo hành, bảo trì	- Đối với hàng hóa thiết bị điện tử: Thời gian bảo hành, bảo trì đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Thời gian bảo hành \geq thời gian bảo hành của nhà sản xuất và tối thiểu 12 tháng; bảo trì \geq 24 tháng với tần suất không ít hơn 6 tháng/lần bảo trì. - Đối với tất cả các hàng hóa: Cam kết thay thế 1 đổi 1 hàng hóa bị hư hỏng, lỗi do lỗi vận chuyển của nhà thầu hoặc lỗi từ nhà sản xuất.	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
3.4 Xử lý khắc phục sự cố hư hỏng (trong thời gian bảo hành)	Có quy trình xử lý khắc phục sự cố hư hỏng khi có yêu cầu của bên mua hàng. Cam kết và chứng minh khả năng có mặt trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về khắc phục sự cố hỏng hóc, lỗi.	Đạt
	Không đáp ứng được một trong các yêu cầu trên.	Không đạt
4. Khả năng thích ứng địa lý môi trường		

4.1 Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường	Hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam.	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp không thích ứng về địa lý với điều kiện khí hậu Việt Nam.	Không đạt
4.2 Hàng hóa được cung cấp tác động đến môi trường và đề xuất biện pháp giải quyết	Hàng hóa được cung cấp không tác động nhiều đến môi trường và nếu có tác động nhà thầu phải trình bày được nguyên nhân và đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý.	Đạt
	Hàng hóa được cung cấp có tác động nhiều đến môi trường và không đề xuất được biện pháp giải quyết hợp lý.	Không đạt
5. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyên gia công nghệ		
Điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp	Nhà thầu có thuyết minh đề xuất cụ thể, chi tiết điều kiện thương mại (điều kiện giao hàng, tạm ứng, quyết toán...) Có điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo hướng dẫn sử dụng hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp, thời gian thực hiện hợp đồng.	Đạt
	Nhà thầu không có thuyết minh đề xuất cụ thể, chi tiết điều kiện thương mại (điều kiện giao hàng, tạm ứng, quyết toán...) hoặc có nhưng không đầy đủ, không chi tiết hoặc có nhưng không hợp lý. Có điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo hướng dẫn sử dụng không hợp lý, hoặc không khả thi, hoặc	Không đạt

	không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp, thời gian thực hiện hợp đồng.	
6. Tiến độ cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	- Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, bố trí nhân lực thể hiện chi tiết quá trình triển khai thực hiện hợp đồng của nhà thầu (từ khi ký hợp đồng đến khi hoàn thành hợp đồng) phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, không vượt quá 02 ngày.	Đạt
	Không đề xuất được hoặc đề xuất không đầy đủ hoặc đề xuất không hợp lý.	Không đạt
7. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu, chất lượng hàng hóa đã sử dụng		
7.1 Uy tín trong việc tham dự thầu	Nhà thầu có cam kết và không vi phạm một trong các nội dung như sau: - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); - Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 43 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP;	Đạt

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung; - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. 	
	<p>Nhà thầu không có cam kết hoặc vi phạm một trong các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có); - Nhà thầu đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) nhưng từ chối hoặc không ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 43 của Nghị định 24/2024/NĐ-CP; - Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu nhưng không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung hoặc không ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung; - Nhà thầu đã ký thỏa thuận khung nhưng không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng hoặc không ký kết hợp đồng. 	<p>Không đạt</p>

<p>7.2 Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó trong thời gian 01 năm gần đây (tính từ thời điểm 01/01/2024) (Nhà thầu lập bản cam kết, trường hợp nhà thầu không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu (Trường hợp chậm tiến độ hoặc bỏ dở không do lỗi của nhà thầu phải có văn bản xác nhận của Chủ đầu tư để chứng minh). - Nhà thầu không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Nhà thầu không bị Cơ quan Tổ chức hoặc đơn vị nào kết luận đánh giá có hành vi không trung thực theo quy định tại Điều 87 Luật đấu thầu khi tham gia dự thầu. - Trong quá trình dự thầu trước đây nhà thầu không sử dụng tài liệu giả mạo, không hợp lệ khi tham gia dự thầu. 	<p>Đạt</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu (Trường hợp chậm tiến độ hoặc bỏ dở không do lỗi của nhà thầu phải có văn bản xác nhận của Chủ đầu tư để chứng minh). - Nhà thầu bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Nhà thầu bị Cơ quan Tổ chức hoặc đơn vị nào kết luận đánh giá có hành vi không trung thực theo quy định tại Điều 87 Luật đấu thầu khi tham gia dự thầu. - Trong quá trình dự thầu trước đây nhà thầu sử dụng tài liệu giả mạo, không hợp lệ khi tham gia dự thầu. 	<p>Không đạt</p>

8. Các yêu cầu khác		
Đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu tại mục 4, Chương V – Yêu cầu kỹ thuật.	Đáp ứng đầy đủ tại mục 4 Chương V – Yêu cầu kỹ thuật.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu tại mục 4 Chương V – Yêu cầu kỹ thuật.	Không đạt
Yếu tố ra vào trong quân đội: Vì lý do bí mật quân sự nên yêu cầu nhà thầu liên hệ với Bên mời thầu để đến thống nhất trao đổi về phương thức ra vào quân đội và thủ tục đưa hàng hóa qua cửa để đảm bảo an toàn bí mật khi tham dự gói thầu.	Các nhà thầu muốn tham dự gói thầu. Trước thời điểm đóng thầu nhà thầu đến làm việc liên hệ với số điện thoại 0325.312.639 và cùng ký vào biên bản xác nhận cách ra vào quân đội, thủ tục nhập hàng hóa qua cửa để đảm bảo an toàn bí mật của đơn vị.	Đạt
	Không đến làm việc liên hệ với số điện thoại 0325.312.639 và không cùng ký vào biên bản xác nhận cách ra vào quân đội, thủ tục nhập hàng hóa qua cửa để đảm bảo an toàn bí mật của đơn vị.	Không đạt
Kết luận	Đạt tất cả các nội dung trên	Đạt
	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	Không đạt

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Chọn phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.